

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2022/DS-PT  
Ngày: 12-12-2022  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

**Bà Trần Thị Kim Em**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2021/QĐPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện do uỷ quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm: 1987 (Có mặt);

(Theo giấy uỷ quyền chứng thực số: 58, quyển số: 01/2021-SCT/CK,ĐC ngày 17/3/2021).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Ngọc L, sinh năm: 1954 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Chị Đỗ Thanh T, sinh năm: 1974 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

\* *Người kháng cáo*: Phạm Thị H, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14/10/2019 chị H có cho bà L vay số tiền 106.700.000 đồng, hẹn trong thời gian 02 tháng trả, không tính lãi suất, có làm giấy mượn tiền do bà L viết và ký tên. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà L có trả được 20.000.000 đồng, còn nợ 86.700.000 đồng đến nay không trả. Nay chị H yêu cầu bà L trả số tiền 86.700.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 14/12/2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất chậm trả là 0,83%/ tháng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

\* *Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Ngọc L trình bày:*

Bà L không có nợ chị H, bà L chỉ trả nợ dùm con bà là chị Đỗ Thanh T số tiền 20.000.000 đồng. Bà L không biết gì về số nợ của chị T. Trong giấy mượn tiền bà L chỉ có viết chữ Đỗ Thị L, 1954, ấp L, xã C, thị xã G, ký tên và viết chữ Đỗ Thị L, dưới chữ ký và chữ viết mẹ tôi có bớt 20.000.000 đồng. Ngoài ra không phải chữ viết của bà L. Nay bà L cho rằng chị Đỗ Thanh T có nghĩa vụ trả nợ cho chị H, bà L không đồng ý trả do không có nợ chị H và không có tiền trả.

\* *Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thanh T trình bày:*

Bà L không có vay tiền của chị H. Số tiền 106.700.000 đồng chị T là người trực tiếp đi chơi hụi của chị H. Khi chị T làm ăn thất bại, bán nhà đi làm ăn xa có nhờ bà L là mẹ ruột trả dùm cho chị H 20.000.000 đồng còn nợ lại 86.700.000

đồng. Sau đó chị H có cho chị T trả dần được 03 tháng mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả thêm được 4.500.000 đồng. Số tiền còn lại chị T xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xin không trả lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã - Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1,4 Điều 91; khoản 1 Điều 96; khoản 1 Điều 227; Điều 147; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/3/2022, nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn kháng cáo sửa bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu kháng cáo và trình bày: Xác định nội dung biên nhận ngày 14/10/2019 do chồng chị H là anh Đặng Đăng Khoa (chết 2021) viết có cho bà L xem nội dung, bà L đồng ý ký tên. Bà L ký tên vào biên nhận nợ thì phải chịu trách nhiệm và biết nội dung biên nhận. Chị H không có nghĩa vụ phải chứng minh, nên bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ 86.700.000 đồng cho chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở vì. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 14/10/2019 bà L chỉ thừa nhận có viết họ tên, địa chỉ, chữ ký ghi họ tên, còn nội dung biên nhận bà không biết và không có viết. Phía nguyên đơn thừa nhận nội dung biên nhận do chồng H viết. Bà L xác định không quen biết chị H, không vay tiền của chị H mà chỉ trả nợ dùm cho con gái là chị Đỗ Thanh T số tiền 20.000.000 đồng. Mặc khác, chị Đỗ Thanh T cũng thừa nhận có nợ chị H số tiền 106.700.000 đồng, có nhờ bà Đỗ Ngọc L là mẹ chị trả cho chị H 20.000.000 đồng còn nợ 86.700.000 đồng. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bà L biết được nội dung tờ giấy mượn nợ, đã được nghe đọc lại. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại tòa cấp phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng qui định.

Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Năm 2019 chị Phạm Thị H có cho bà Đỗ Thị L vay số tiền 106.700.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thỏa thuận thời hạn trả 02 tháng, việc vay tiền có làm giấy nợ. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy mượn tiền ngày 14/10/2019, có chữ ký của bà L. Phía bà L không thừa nhận có vay tiền của chị H, bà chỉ trả nợ thay cho con của bà là chị Đỗ Thanh T. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa chị Phạm Thị H và bà Đỗ Thị L xác lập hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị H yêu cầu bà Đỗ Thị L trả số tiền 86.700.000 đồng vì cho rằng bà L có vay tiền của chị, bà L không có chứng cứ chứng minh nội dung số tiền trong giấy mượn tiền là do chị H tự điền thêm vào sau khi bà L ký tên.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm bà Đỗ Thị L đều trình bày không quen biết chị H, không vay tiền của chị H, mà bà chỉ trả nợ thay cho con gái là Đỗ Thanh T số tiền 20.000.000 đồng. Phía nguyên đơn xác định cho bà L vay, giao tiền trực tiếp cho bà L.

Xét lời trình bày của nguyên đơn cho rằng giao số tiền 106.700.000 đồng cho bà L, cùng lúc viết giấy nợ là ngày 14/10/2019 tại nhà bà L là không có cơ sở vì: Trong giấy mượn tiền ngày 14/10/2019 dưới chữ ký ghi họ tên Đỗ Ngọc L, bà L có viết dòng chữ “*mẹ T có bớt 20.000.000 đồng*”. Đại diện của nguyên đơn cho rằng số tiền 20.000.000 đồng bà T trả vào năm 2020. Phía bà L thì cho rằng ngày 14/10/2019 bà có trả cho chị H số tiền 20.000.000 đồng, đây là số tiền của chị Đỗ Thanh T nhờ bà trả cho chị H, khi trả bà có viết “*mẹ T có bớt 20.000.000 đồng*”

Xét lời trình bày của nguyên đơn có mâu thuẫn, không thống nhất; Tại biên bản phiên tòa ngày 30/5/2022 chị P đại diện cho nguyên đơn trình bày “*Dòng chữ trả 20.000.000 đồng là lúc bà L trả tiền rồi viết thêm vào khoảng năm 2020*”.

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 29/4/2021 (BL 34) đại diện ủy quyền của chị H trình bày “*..Khi viết biên nhận chồng chị H viết tờ biên nhận, khi viết để cho bà L ghi họ tên Đỗ Ngọc L; 1954, ấp L, xã C, sau đó chồng bà H ghi đầy đủ những chữ*

*trong tờ biên nhận cho bà L xem, bà đồng ý ký tên và viết họ tên. Sau đó bà trả 20.000.000 đồng, đưa cho bà ghi thêm dòng chữ dưới chữ Đỗ Ngọc L, không phải là viết thêm.”*

Tại biên bản làm việc ngày 26/10/2021 (BL45) đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày “*Sau khi ký giấy nợ bà L có trả cho bà H 20.000.000 đồng và có ghi mẹ T có bớt 20.000.000 đồng dưới tên Đỗ Ngọc L*”. Như vậy, lời trình bày của đại diện của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của bà L là vào ngày 14/10/2019 bà có trả cho chị H số tiền 20.000.000 đồng và có ghi dòng chữ “*mẹ T có bớt 20.000.000 đồng*”.

Từ lời trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn tại các biên bản ngày 26/10/2021; biên bản ngày 29/4/2021 cho rằng bà L trả số tiền 20.000.000 đồng sau khi bà L ký giấy mượn tiền là phù hợp với lời trình bày của bà L, chị T, nên có căn cứ xác định bà L trả số tiền 20.000.000 đồng cho chị H vào ngày viết giấy nợ là ngày 14/10/2019. Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ 106.700.000 đồng là do chị Đỗ Thanh T nợ chị H, không phải nợ của bà L, bà L không có vay tiền của chị H. Chị H không có giao tiền cho bà L vào ngày 14/10/2019 vì nếu ngày 14/10/2019 chị H giao tiền cho bà L vay thì không có việc bà L trả số tiền 20.000.000 đồng cùng lúc mượn nợ. Đồng thời, nội dung giấy mượn tiền không phải do bà L viết mà do anh Khoa viết, bà L không thừa nhận khi ký giấy nợ đã viết nội dung, mà sau khi bà ký giấy nợ thì anh Khoa viết thêm nội dung.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định nội dung viết trong giấy mượn tiền không phải do bà L viết mà do chồng của chị H là anh Đặng Đăng Khoa viết. Chị H không có chứng cứ chứng minh việc bà L biết được toàn bộ nội dung tờ giấy mượn tiền, đã được nghe đọc lại và ký tên xác nhận. Do đó, không có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà L và chị H xảy ra, nên kháng cáo của chị H không có căn cứ chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bà L có yêu cầu giám định đối với giấy mượn tiền ngày 14/10/2019. Tại kết luận giám định số 263/KL-KTHS ngày 28/10/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đã kết luận không đủ cơ sở kết luận tài liệu trên mẫu cần giám định được viết thêm so với các chữ viết còn lại trên

cùng tài liệu. Nên bà L phải chịu chi phí giám định theo qui định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích trên, Xét yêu cầu kháng cáo của chị H là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H. Giữ y bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.***

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đối với bà Đỗ Thị L trả số tiền nợ 86.700.000 đồng.

2. Án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006686 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã G.

Chị Phạm Thị H phải chịu 5.270.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào tạm ứng án phí chị H đã nộp 2.438.000 đồng theo biên lai thu số 0019330 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G nên chị H phải nộp tiếp 2.832.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 00 phút, ngày 12/12/2022 có mặt bà L, vắng mặt chị P và đại diện Viện kiểm sát./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thái Dũng**

**Trần Thị Kim Em**

**Nguyễn Thị Diệp Thúy**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Thị xã G;
- Chi cục THADS Thị xã G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diệp Thúy**

